


PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (tiếng Anh viết tắt MSDS từ Material Safety Data Sheet)			LOGO CÔNG TY
MSDS – SODIUM CHLORITE			
Số CAS: 7758-19-2 Số UN: 1496 Số đăng ký EC: 231-832-4 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): 5.1 – Chất oxy hóa Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có)			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Natri clorit - Tên thương mại: Sodium Chlorite - Tên khác (không là tên khoa học): Natri clorit		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC Trụ sở tại: Nhà số 9, Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; Điện thoại: 0833299222 Email: hoachatthinhphuc@gmail.com		<i>Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:</i> CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC Trụ sở tại: Nhà số 9, Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; Điện thoại: 0833299222 Email: hoachatthinhphuc@gmail.com	
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: - Mục đích sử dụng: dùng làm thuốc thử trong phân tích			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sodium Chlorite	7758-19-2	NaClO ₂	≤99.9%
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm: Phân loại theo GHS: Chất rắn oxy hóa phân loại 2 Độc tính cấp tính đường miệng phân loại 3 Độc tính cấp tính qua da phân loại 2 Ăn mòn, kích ứng da phân loại 2 Tổn thương mắt, gây kích ứng mắt nghiêm trọng phân loại 2A Khả năng gây đột biến tế bào mầm phân loại 2 Nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh cấp tính phân loại 1 Nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh mãn tính phân loại 1			
2. Cảnh báo nguy hiểm			



EMBED StaticMetafile

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: gây dị ứng, làm đỏ mắt, nhức mắt
- Đường thở: hít phải gây ho, viêm họng, đau đầu, chóng mặt, khó thở, bất tỉnh
- Đường da: gây kích ứng da, đỏ da, đau đớn
- Đường tiêu hóa: nuốt phải gây nôn mửa, đau bụng
- Đường tiết sữa: phụ nữ có thai và cho con bú hạn chế tiếp xúc

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt :** Rửa bằng nước ít nhất 10 phút, gọi bác sĩ chuyên khoa mắt.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da:** Rửa sạch bằng nước, thoa dung dịch polyethylene glycol 400, cởi bỏ quần áo nhiễm độc trên người nạn nhân.
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp:** Đưa nạn nhân ra vùng không khí trong lành, hô hấp nhân tạo và đưa ngay đến bệnh viện.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa:** Cho nạn nhân uống nhiều nước, tránh để nôn mửa, gọi ngay bác sĩ lập tức.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)** Điều trị theo triệu chứng

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy:** không cháy nhưng thúc đẩy quá trình cháy
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** trong đám cháy có thể giải phóng hơi độc, ăn mòn
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ :** nhiệt độ cao, nguồn lửa.
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** nước, CO₂
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Cần trang bị trang phục bảo hộ lao động, phương tiện phòng ngừa theo quy định của phòng cháy chữa cháy.
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có):** Không sử dụng Foam để chữa cháy

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:** Cô lập, dọn dẹp sạch sẽ khu vực để không làm ảnh hưởng đến môi trường.
- 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:** Ngăn chặn, không cho phép hóa chất thâm nhập vào vùng nước mặt hoặc nước ngầm.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm :** Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ khi tiếp xúc với hóa chất, nắm vững đặc tính của hóa chất, cẩn thận khi tiếp xúc và di chuyển.
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản :** Kho bảo quản phải thông thoáng, tránh để gần nguồn lửa, nhiệt, tránh ánh sáng..

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết :** Tránh tiếp xúc trực tiếp với hóa chất, tránh hít bụi, đảm bảo sự thông hơi đầy đủ,

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: yêu cầu kính bảo hộ vừa khít.
- Bảo vệ thân thể: quần, áo bảo hộ lao động: tùy theo nồng độ hóa chất mà phải có đồ bảo hộ hợp lý.
- Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay cao su nitril dày 0.11 mm khi tiếp xúc.
- Bảo vệ chân: Luôn mang ủng cao su khi tiếp xúc, vận chuyển hóa chất.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Phải có phương tiện bảo hộ lao động hợp lý khi xử lý sự cố hóa chất tùy nồng độ hóa chất mà có phương pháp xử lý khác nhau. Am hiểu tính chất hóa học của hóa chất đang xử lý.

4. Các biện pháp vệ sinh: Rửa tay cẩn thận mỗi khi tiếp xúc với hóa chất, thay đổi quần áo bị ô nhiễm.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: Rắn	Điểm sôi (°C): chưa có thông tin.
Màu sắc: trắng	Điểm phân hủy (°C): 200 °C
Mùi đặc trưng: không mùi.	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: chưa có thông tin.
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin.	Nhiệt độ tự cháy (°C): chưa có thông tin.
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin.	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin.
Độ hòa tan trong nước: 390 g/l	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin.
Độ PH: chưa có thông tin.	Tỷ lệ hóa hơi: chưa có thông tin.
Khối lượng mol (kg/m ³): 2,5	Các tính chất khác nếu có: chưa có thông tin.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định : Tránh tiếp xúc với hơi ẩm, tránh nhiệt độ cao..

2. Khả năng phản ứng:

- Là một chất oxy hóa mạnh, phản ứng mãnh liệt với các vật liệu dễ cháy và chất khử.
- Phản ứng dữ dội với axit, hợp chất amoni, photpho, lưu huỳnh...tạo nguy cơ cháy nổ cao

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Natri clorit	LD50	165 mg/kg	Miệng	Chuột
Natri clorit	LD50	107 mg/kg	Da	Chuột
Natri clorit	LC50	0,23 mg/l	Hít	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người: có thể ảnh hưởng đến sức khỏe con người

2. Các ảnh hưởng độc khác: chưa có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Natri clorit	Giáp xác	LC50/48h	0,0146 mg/l

2. Tác động trong môi trường

2. Tính bền vững và phân hủy

Chưa có thông tin

3. Tiềm năng tích lũy sinh học

Chưa có thông tin

4. Tính bền đối trong đất

Chưa có thông tin

5. Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Chưa có thông tin

6. Các ảnh hưởng có hại khác

Không để sản phẩm đi vào nước, nước thải, hoặc đất!

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ



1. Thông tin quy định tiêu hủy: Rác thải theo quy định của thông tư 2008/98/EC. Rách thải cũng như các quy định khác của địa phương và nhà nước, để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu, không để lẫn với chất thải khác, xử lý hộp đựng bản giống như sản phẩm.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: đặc biệt

3. Biện pháp tiêu hủy: Theo quy định của pháp luật, nhờ các công ty xử lý chất thải.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý : chất thải, bao bì không thể sử dụng lại hoặc tái chế.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa;	1496	Natri clorit	5.1 – Chất oxy hóa	II		Chưa có thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	1496	Sodium Chlorite	5.1 – Chất oxy hóa	II		Chưa có thông tin bổ sung

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Sản phẩm được phân loại nguy hiểm theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: 5.1 – Chất oxy hóa

- Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

- Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số: 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của

Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số: 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công thương Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Quy chuẩn Việt Nam: QCVN 05:2020/BCT. Thông tư số: 48/2020/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2020 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.
- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa.
- Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/07/2024

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức soạn thảo: **Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Hóa Chất Thịnh Phúc**

Lưu ý người đọc: Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

(Ban hành kèm theo Phụ lục 9, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất)